TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 615/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, tranh chấp về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và tranh chấp khác".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, tranh chấp về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và tranh chấp khác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2077/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị K, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số E tổ B, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Chinh Truong P (Phạm Trường C), sinh năm 1960

Địa chỉ: C A, Ave Jork Ont T M6N 3W7, Canada

Tạm trú số: Số A khu phố A, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Minh P1, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Số B X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1/Luật sư Nguyễn Thị Hoài N – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

2/Luật sư Phan Mạnh T1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Trần Thị L, sinh năm 1938 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

2/Bà Trần Thị T2, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/Bà Trần Thị N1, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số A Nichols D ho Md 21029USA

4/Bà Trần Thị Mỹ Y, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

5/Ông Trần Thượng T3, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà T2, bà N1, bà Y, ông T3: Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số A khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

6/Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số A khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

7/Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu Đ1 – Chi nhánh N2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

8/Văn phòng công chứng Đỗ Như P2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C1) (có ông Lê Minh P1 là đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/8/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày như sau:

Nguyên đơn là chị ruột và cũng là người thừa kế theo di chúc duy nhất của bà Trần Thị Mỹ H (sinh năm 1963, chết năm 2018). Cha mẹ của nguyên đơn là cụ ông Trần Văn H1 (sinh năm 1916, chết năm 1995) và cụ bà Thái Thị P3 (sinh năm 1921, chết năm 1998) có tất cả 10 (mười) người con gồm: Bà Trần Thị L, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn B (sinh năm 1949, chết năm 2001), ông Trần Địa P4 (sinh năm 1953, chết năm 2103), bà Trần Thị Mỹ Y, ông Trần Thượng T3, bà Trần Thị K, bà Trần Thị Mỹ H (sinh năm 1963, chết năm 2018) và ông Trần Văn Ú.

Vào ngày 21/4/2014, bà Trần Thị Mỹ H đã đến Văn phòng C2 - nay là Văn phòng Công chúng Đỗ Như P2 – lập di chúc để lại tất cả tài sản cho nguyên đơn gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 1130 (diện tích 250m^2; trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng); quyền sử dụng thửa đất số 1131 (diện tích 250m^2; trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng). Hai thửa đất số 1130 và 1131 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00292 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 03/5/2002. Trên 02 (hai) thửa đất này có nhà kho loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch – tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 311 (diện tích 208m^2, loại đất ruộng); quyền sử dụng thửa đất số 1216 (diện tích 90m^2, trong đó có 50m^2 loại đất thổ cu, 40m^2 loại đất ruộng). Hai thửa đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 20/01/2003; Ngày 07/5/2004, Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350. Trên 02 (hai) thửa đất này có 01 căn nhà cùng vật kiến trúc trên đất và cây lâu năm.

Hiện nay, phía bị đơn đang quản lý, sử dụng 02 thửa đất số 311 (diện tích 208m^2, loại đất ruộng) và thửa đất số 1216 (diện tích 90m^2, trong đó có 50m^2 loại đất thổ cư, 40m^2 loại đất ruộng) cùng toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính).

Nay, nguyên đơn yêu cầu công nhận di chúc do bà Trần Thị Mỹ H lập 21/4/2014 tại Văn phòng C2 chứng Đỗ Như P2 và nguyên đơn là người thừa kế theo di chúc của bà nay là Văn phòng Công Nguyễn Thị Mỹ H2; Công nhận tài sản gắn liền với 02 thửa đất 1216 và 311 bao gồm: 01 căn nhà chính cùng các công trình vật kiến trúc khác và cây lâu năm là di sản của bà H2 và bà K là người thừa kế theo pháp luật đối với những di sản này; Yêu cầu bị đơn giao trả quyền sử dụng đất thửa đất số 1130, 1131 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00292 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 03/5/2002 và tài sản trên hai thửa đất. này nhà kho loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch – tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2. Quyền sử dụng đất thửa đất số 311, 1216 thuộc giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số 00141 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 20/01/2003; Ngày 07/5/2004, Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350 và tài sản trên 02 thửa đất này có 01 căn nhà cùng vật kiến trúc trên đất và cây lâu năm. Nguyên đơn sẽ hỗ trợ cho bị đơn chi phí di dời chỗ ở số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn giao trả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H2 như đã nêu trên.

Theo đơn phản tố ngày 26/5/2020 và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Bị đơn là chồng của bà Trần Thị Mỹ H, hai người bắt đầu sống chung từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Cần Thơ vào ngày 29/4/2014. Trong quá trình sống chung, bị đơn có đưa tiền để bà Mỹ H xây dựng căn nhà và sửa chữa nhà kho trên hai thửa đất số 311 và 1216. Vì tin tưởng nên việc đưa tiền giữa ông và bà H không có làm biên nhận gì. Do ông C là người mang quốc tịch nước ngoài nên thường xuyên không có mặt ở Việt Nam. Mỗi năm thường về một lần, mỗi lần khoảng vài tháng vì vậy việc kinh doanh cũng như quản lý tài sản đều do bà H thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì bà Mỹ H đã bị suy giảm sức khỏe từ năm 2012 do bệnh ung thư nên không đủ tỉnh táo để lập di chúc và chữ ký trong di chúc không phải là chữ ký trong tờ khai đăng ký kết hôn.

Ngoài ra, ngày 29/04/2014 ông C và bà H có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên thủ tục chưa hoàn tất do bệnh của bà H trở nặng. Ngày 02/07/2018 bà H mất, ông C tiếp tục sinh sống và làm việc tại căn nhà đang hiện đang tranh chấp với bị đơn (111 vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ Thơ).

Với các lý do trên, bị đơn yêu cầu, hủy di chúc do bà Mỹ H lập ngày 22/4/2014 tại Văn phòng C2, thành phố Cần Thơ; Công nhận toàn bộ tài sản gắn liền với các thửa đất số 1130,1131 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00292 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 03/5/2002 (có giá trị 4.500.000.000 đồng) và vật kiến trúc trên 02 thửa đất 311,1216 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 20/01/2003; Ngày 07/5/2004, Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350 (có giá trị 380.507.018 đồng) thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Ngoài ra, bị đơn còn yêu cầu tính phần công sức gìn giữ, bảo quản, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 1126, 311 mà ông C đã bỏ ra trong quá trình chung sống với bà H và sau khi bà H qua đời cho đến khi vụ án được giải quyết, số tiền yêu cầu là 150.000.000 đồng.

Phần trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị L, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị Mỹ Y, ông Trần Thượng T3, ông Trần Văn Ú: Thống nhất phần trình bày của nguyên đơn và không có tranh chấp về tài sản thừa kế, tôn trọng di nguyện của bà Trần Thị Mỹ H đối với di sản của bà H theo di chúc lập ngày 22/4/2014 tại Văn phòng C2, thành phố Cần Thơ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 Chi nhánh N2 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1): Vào ngày 25/6/2018, Công ty Đ1 có ký hợp đồng thuê nhà xưởng và kho (để dự trữ lúa gạo) thuộc quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Mỹ H tại thửa đất số 1130, 1131, diện tích 700m^2, thuộc tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00292 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 03/5/2002 – đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Thời hạn thuê từ 12/6/2018 đến 12/6/2023 (05 năm) với giá thuê là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Công ty Đ1 không có ý kiến và yêu cầu độc lập đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Khi nào hết thời hạn thuê, Công ty sẽ giao trả lại tài sản thuê cho người thừa kế hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H. Do hoạt động kinh doanh, công ty Đ1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và đề nghị được nhận Bản án hoặc Quyết định theo quy định.

Văn phòng C3: Theo hồ sơ lưu trữ số công chứng 2294, quyển số 03/2014/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng thì vào ngày 21/4/2014, bà Trần Thị Mỹ H đã đến Văn phòng C2 – nay là Văn phòng C3 – lập di chúc để lại tất cả tài sản cho nguyên đơn bà Trần Thị K gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 1130 (diện tích 250m^2; trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng) và thửa đất số 1131 (diện tích 250m^2 trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00292 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 03/5/2002. Trên 02 (hai) thửa đất này có nhà kho loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch – tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 311 (diện tích 208m^2, loại đất ruộng) và thửa đất số 1216 (diện tích 90m^2, trong đó có 50m^2 loại đất thổ cư, 40m^2 loại đất ruộng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 20/01/2003.

Quy trình thực hiện công chứng di chúc của bà Trần Thị Mỹ H đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận di chúc do bà Trần Thị Mỹ H lập ngày 21/4/2014 tại Văn Phòng công chúng T, thành phố Cần Thơ là hợp pháp.

Công nhận căn nhà trệt có diện tích sử dụng 131,43m^2 và công trình kiến trúc khác (mái che, hàng rào) tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ trên các thửa đất số 311,1216 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/5/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 là di sản của bà Trần Thị Mỹ H.

Nguyên đơn, bà Trần Thị K được quyền sử dụng các thửa đất 311, 1216 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/5/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 và sở hữu các tài sản gắn liền hai thửa đất 311, 1216 bao gồm: Căn nhà trệt có diện tích sử dụng 131,43m^2 và công trình kiến trúc khác (mái che, hàng rào)

Nguyên đơn, bà Trần Thị K được quyền sử dụng các thửa đất 1130, 1131 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00399.QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/07/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 và sở hữu các tài sản gắn liền hai thửa đất 1130, 1131 bao gồm: Căn nhà kho loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch - tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2.

Nguyên đơn bà Trần Thị K có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh sang tên người có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quy định.

2. Chấp nhận một phần phản tố của bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C).

Bà Trần Thị K có trách nhiệm trả cho ông Phạm Trường C số tiền 100.000.000 đồng chi phí quản lý di sản.

Kể từ khi có ông C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên nếu bà K chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bà K còn phải chịu lãi tính theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Ngân hàng N3 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2022 bị đơn ông Phạm Trường C (có ông Lê Minh P1 là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) (có ông Lê Minh P1 là đại diện theo ủy quyền) thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ. Nguyên đơn bà Trần Thị K (có ông Lưu Ngọc T là đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn (Luật sư Nguyễn Thị Hoài N) phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chưa khách quan tài liệu, chứng cứ trong vụ án vì thực tế ông C, bà H đã chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, khi bà H chết ông C với tư cách chồng bà H nên mới được giữ giấy tờ nhà, trong thời gian bà H bị bệnh ông C là người chăm sóc, chi trả viện phí. Bà H lập di chúc tháng 4/2014, nhưng đến tháng 9/2014 đăng ký kết hôn với ông C tại Sở tư pháp. Điều này thể hiện ý chí bà H đã có sự thay đổi sau khi lập di chúc. Trước khi bà H chết, bà H đã nói ông C là người trực tiếp quản lý nhà, nhưng do sức khỏe bà H quá yếu, ông C là người nước ngoài không hiểu biết pháp luật nên không mời công chứng viên tới nhà để công chứng nội dung này.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn (Luật sư Phan Mạnh T1) phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để định giá lại tài sản tranh chấp, vì theo quy định thì thời hạn có giá trị của chứng thư thẩm định giá không quá 6 tháng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lần 2 đã không định giá lại tài sản, sử dụng kết quả định giá năm 2020 để giải quyết vụ án là không phù hợp.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm vì đã có những thiếu sót sau:

- Về hình thức di chúc, theo bản án sơ thẩm nhận định không có cơ sở giám định chữ ký chữ viết trong di chúc, để công nhận di chúc là không đủ căn cứ.

- Thứ hai, xét về logic khi không đủ cơ sở giám định thì phải suy luận là không do cùng một người ký ra. Thời điểm công chứng thì chưa được công chứng viên kiểm tra vì bà H khẳng định tài sản riêng, nhưng hồ sơ công chứng không có tài liệu thể hiện đây là tài sản riêng, không có văn bản thể hiện bà H độc thân tại thời điểm tạo lập tài sản. Do đó, Văn phòng công chứng không yêu cầu bà H cung cấp giấy tờ chứng minh đã công chứng là tài sản riêng là chưa đủ căn cứ.

- Căn nhà trên đất chưa được đăng ký quyền sở hữu thì không có căn cứ để xác định đây là tài sản riêng của bà H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà trên thửa 311, 1216 là tài sản riêng của bà H là không đủ căn cứ, vì nhà phải được đăng ký quyền sở hữu, chưa được Nhà nước công nhận nên không thể nói là tài sản riêng, bị đơn và nguyên đơn tồn tại quan hệ sống chung với nhau như vợ chồng. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ và Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì căn nhà này được tạo lập trong thời kỳ 2 người sống chung như vợ chồng nên không thể xác định là tài sản riêng của bà H.

Đối với công sức đóng góp của ông C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình chung sống thực tế. Bản án phúc thẩm lần 1 đã nhận định Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để xác định đây là tài sản chung hay riêng, nhưng sau khi thụ lý lại thì Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chưa giải quyết làm rõ được vấn đề này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tài sản tranh chấp là 4 thửa đất, căn nhà kho và căn nhà ở. Trong đó, 4 thửa đất và căn nhà kho là tài sản riêng của bà H, nếu ông C có tài sản chung với bà H thì chỉ là căn nhà ở nhưng ông C không chứng minh được có việc đóng góp vào việc xây dựng nhà, không chứng minh được việc gửi tiền. Nghĩa vụ chứng minh là của đương sự chứ không phải do Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập. Tương tự việc sửa chữa nhà năm 2014 là do bị đơn nêu ra nhưng bị đơn không chứng minh được. Ông C không được công nhận là chồng bà H nên không có quyền thừa kế, do vậy ông C không có quyền đề nghị xem xét lại di chúc này. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ.

Xét kháng cáo của bị đơn: Các tài sản do bà H tạo lập trước năm 2006 được công nhận quyền sử dụng sở hữu, trước thời điểm bà H chung sống với ông C, chỉ có việc sửa chữa nhà kho xây dựng nhà ở là sau thời điểm ông C, bà H sống chung. Di chúc đã được cơ quan công chứng đầy đủ đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm công nhận di chúc là có căn cứ.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn không có chứng cứ chứng minh có việc cùng tạo lập tài sản chung với bà H, kể cả việc cho rằng bị đơn có bỏ tiền sửa chữa nhà cũng không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh, lý do hủy bản án sơ thẩm mà bị đơn đưa ra cũng không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) (có ông Lê Minh P1 là đại diện theo ủy quyền) làm trong hạn nên hợp lệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn có yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản đang tranh chấp và triệu tập ông Lê Văn Đ là người sửa chữa nhà. Xét, nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả lại tài sản đang tranh chấp do nguyên đơn được nhận thừa kế theo di chúc từ bà Trần Thị Mỹ H (chị nguyên đơn). Bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị không công nhận di chúc, và tính công sức gìn giữ, bảo quản làm tăng giá trị tài sản với số tiền 150.000.000 đồng. Theo nội dung yêu cầu của các bên đương sự thì việc định giá lại tài sản tranh chấp là không cần thiết. Đối với việc triệu tập ông Đ là người sửa chữa nhà vào năm 2014, thì quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[2] Phần đất thuộc các thửa 1130, 1131, 311, 1216 được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Mỹ H. Ngày 21/4/2014 bà H lập di chúc để lại toàn bộ tài sản này cho bà Trần Thị K (chị bà H). Hiện nay, ông Phạm Trường C đang quản lý, sử dụng thửa 311 và 1216. Do đó, bà K khởi kiện đề nghị công nhận di chúc ngày 21/4/2014, buộc bị đơn giao trả phần đất mà bị đơn đang quản lý, sử dụng.

[3] Bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) cho rằng di chúc ngày 21/4/2014 không đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện, ngoài ra bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị tính phần công sức gìn giữ, bảo quản và làm tăng giá trị tài sản.

[4] Xét kháng cáo của đương sự:

[4.1] Xét di chúc ngày 21/4/2014 của bà Trần Thị Mỹ H:

- Về hình thức: Di chúc ngày 21/4/2014 của bà Trần Thị Mỹ H được lập bằng văn bản có công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Cần Thơ là đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại khoản 3 Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2005. Hồ sơ vụ án thể hiện bà H lập di chúc là tự nguyện không có sự lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép và tại thời điểm lập di chúc bà H có giấy chứng nhận sức khỏe chứng nhận với kết đó bà H tỉnh tiếp xúc bình thường. Do đó, di chúc của bà H không vi phạm quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Về nội dung: Bà H để lại các tài sản bao gồm:

Quyền sử dụng các thửa đất số 1130 (diện tích 250m^2; trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng), thửa đất số 1131 (diện tích 250m^2, trong đó có 100m^2 loại đất thổ cư, 150m^2 loại đất ruộng). Hai thửa đất số 1130 và 1131 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00399.QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/07/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006;

Quyền sử dụng các thửa đất số 311 (diện tích 208m^2, loại đất ruộng), thửa đất số 1216 (diện tích 90m^2, trong đó có 50m^2 loại đất thổ cư, 40m^2 loại đất ruộng). Hai thửa đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố C cấp ngày 07/5/2004 và được phòng T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006;

Tài sản gắn liền với đất. nhà kho loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch - tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2 được xây trên hai thửa đất số 1130 và 1131.

Tất cả những thửa đất này bà H là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi chung sống với ông C. Riêng đối với căn nhà kho trên thửa đất 1130, 1131 bị đơn thừa nhận ban đầu là của bà H xây dựng nhưng sau đó bị đơn có đem tiền về đưa bà H để sửa chữa, nâng cấp thêm để có giá cho thuê cao hơn. Bị đơn cũng thừa nhận đưa tiền trực tiếp cho bà H không thông qua chuyển khoản hay trung gian người nào, vì là vợ chồng nên khi đưa tiền ông cũng không có làm biên nhận. Do bị đơn chưa chứng minh được căn nhà kho là tài sản chung của bị đơn và bà H trong khi đó bị đơn thừa nhận nhà khổ bà H xây trước khi chung sống với bị đơn, đồng thời phía nguyên đơn có cung cấp các hợp đồng xây nhà kho, giấp phép xây dựng đều do bà H đứng tên.

Bị đơn cho rằng thời gian lập di chúc là lúc bà H bị bệnh trong giai đoạn cuối nên không thể thực hiện việc lập di chúc. Tuy nhiên tại thời điểm lập di chúc bà H có giấy chứng nhận sức khỏe, đại diện bị đơn cũng thừa nhận tình trạng bệnh của bà H là khả năng di chuyển khó khăn chứ không hạn chế về mặt nhận thức. Mặt khác cũng trong thời gian lập di chúc bà H cũng tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn với ông C chứng tỏ trong thời gian này bà H chỉ khó khăn về mặt di chuyển còn về tinh thần và nhận thức vẫn tỉnh táo và sáng suốt để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan.

Từ những phân tích trên cho thấy, di chúc ngày 21/4/2014 của bà Trần Thị Mỹ H đã đảm bảo các điều kiện về mặt hình thức và nội dung theo quy định. tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên là di chúc hợp pháp. Do đó, yêu cầu công nhận di chúc này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu công nhận các tài sản nằm ngoài di chúc là căn nhà chính, công trình kiến trúc trên thửa đất số 311,1216. Ông C cho rằng ông có đưa tiền cho bà H xây dựng nhưng ông không cung cấp được chứng cứ thể hiện có chuyển tiền, đưa tiền hay các hóa đơn, vật tư xây dựng. Ngoài ra, căn nhà và vật kiến trúc được xây dựng từ năm 2008 đến năm 2014 bà H với ông C mới tiến hành đăng ký kết hôn, đồng thời lời khai của người làm chứng do chính ông C yêu cầu triệu tập cũng xác định quá trình xây dựng căn nhà và các công trình kiến trúc liên quan là do chính bà H thực hiện và thuê ông làm. Từ những cơ sở trên cho thấy không có căn cứ để xác định căn nhà và các vật kiến trúc trên thửa đất số 311,1216 là tài tài sản chung của bà H và ông C được hình thành trong thời gian ông bà chung sống như vợ chồng mà tài sản này có cơ sở xác định là tài sản riêng của cá nhân bà H. Tài sản này bà H không có để lại di chúc và trong quá trình giải quyết các hàng thừa kế của bà H thống nhất giao tài sản này cho bà K sở hữu nên yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sở hữu tài sản là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Đối với yêu cầu hủy di chúc: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng có dấu hiệu giả mạo chữ ký của bà H nên đã vi phạm vào điểm a, khoản 1 Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, theo kết quả giám định số 3624/C09B ngày 05/08/2020 của Phân viện Khoa học hình sự thành phố H kết luận: "không đủ cơ sở kết luận chữ ký ở giữa, lề dưới tại trang 1; chữ ký đứng tên Trần Thị Mỹ H3, chữ viết họ tên "Trần Thị Mỹ Hạnh" dưới mục người lập di chúc tại trang 2 trên Di chúc đề ngày 21/4/2014 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Trần Thị Mỹ H trên 03 (ba) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ Ma đến M3 là có phải do 01 ngời ký, viết ra hay không". Như vậy, căn cứ vào kết luận giám định nêu trên thì không thể xác định là chữ ký của bà H trong di chúc là giả mạo. Ngoài ra, như đã nhận định trên di chúc do bà H tự nguyện lập và đảm bản về mặt hình thức và nội dung được công chứng tại Văn phòng công chúng nên là di chúc hợp pháp do đó yêu cầu hủy di chúc của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu được quyền hưởng di sản thừa kế của bà H: Qua xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy, bà H có xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với ông C và Sở Tư pháp Cần Thơ cung cấp tờ khai đăng ký kết hôn ngày 29/4/2014 của bà H và ông C. Tuy nhiên, qua tra cứu hồ sơ đăng ký kết hôn và ghi chú kết hôn thì không có tên bà H và ông C. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông C chưa được xác lập. Do đó ông C chưa là chồng hợp pháp của bà H theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên ông C không phải là hàng thừa kế thứ nhất của bà H, vì vậy yêu cầu được hưởng di sản của bà H theo pháp luật thừa kế của ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản trên đất là nhà kho và căn nhà vật kiến trúc xung quanh nhà: Quá trình giải quyết vụ án ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh được những tài sản trên là tài sản chung của ông và bà H, chưa chứng được ông có đưa tiền cho bà H để xây dựng, sửa chữa, tôn tạo các tài sản trên và ông C cũng không phải là hàng thừa kế thứ nhất của bà H nên yêu cầu phản tố này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, từ khi bà H chết vào năm 2018, bị đơn ông C là người quản lý, trông coi, giữ gìn di sản của bà H nên cần tính công sức, chi phí quản lý di sản cho ông C số tiền 100.000.000 đồng là đảm bảo quyền lợi cho ông và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng tài sản trong di chúc là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông C, nên bà H định đoạt toàn bộ tài sản là không đúng. Xét, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tài sản này do bà H tạo lập trước thời điểm chung sống với ông C. Hơn nữa quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C chưa được pháp luật công nhận, bà H lập di chúc ngày 21/4/2014 là trước thời điểm đăng ký kết hôn với ông C tại Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (29/4/2014), nên nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Trường C, sinh năm 1960 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) (có ông Lê Minh P1 là đại diện theo ủy quyền); Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng Điều 634,646,647,648, 650, 652 của BLDS năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm**,** thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K.

Công nhận di chúc do bà Trần Thị Mỹ H lập ngày 21/4/2014 tại Văn Phòng công chúng T, thành phố Cần Thơ là hợp pháp.

Công nhận căn nhà trệt có diện tích sử dụng 131,43m^2 và công trình kiến trúc khác (mái che, hàng rào) tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ trên các thửa đất số 311,1216 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/5/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 là di sản của bà Trần Thị Mỹ H.

Nguyên đơn, bà Trần Thị K được quyền sử dụng các thửa đất 311, 1216 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 07/5/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 và sở hữu các tài sản gắn liền hai thửa đất 311, 1216 bao gồm: căn nhà trệt có diện tích sử dụng 131,43m^2 và công trình kiến trúc khác (mái che, hàng rào)

Nguyên đơn, bà Trần Thị K được quyền sử dụng các thửa đất 1130, 1131 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00399.QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là quận T), thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/07/2004 và được phòng Tài nguyên và Môi trường quận T xác nhận điều chỉnh ngày 07/02/2006 và sở hữu các tài sản gắn liền hai thửa đất 1130, 1131 bao gồm: Căn nhà kho

loại bán kiên cố, mái tole, vách tường gạch - tole, khung cốt thép, nền bê tông cốt thép với tổng diện tích xây dựng là 136,8m^2.

Nguyên đơn bà Trần Thị K có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh sang tên người có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quy định.

2. Chấp nhận một phần phản tố của bị đơn ông Chinh Truong P (Phạm Trường C).

Bà Trần Thị K có trách nhiệm trả cho ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) số tiền 100.000.000 đồng chi phí quản lý di sản.

Kể từ khi có ông C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên nếu bà K chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bà K còn phải chịu lãi tính theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Ngân hàng N3 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Chinh Truong P (Phạm Trường C) được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
-NLQ (8);
- Lưu (10) 25b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu